

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 55/2017/DS-PT
Ngày 24 - 7 -2017
V/v tranh chấp hợp đồng dân
sự mua bán tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Nguyệt

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Mừng
Ông Nguyễn Hữu Hồng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đạt Nguyên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng: Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 24 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 36/2017/TLPT- DS ngày 01 tháng 6 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 06/2017/DS-ST ngày 20 tháng 4 năm 2017 của Toà án nhân dân huyện Y bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 103/2017/QĐPT-DS ngày 23 tháng 6 năm 2017; Quyết định hoãn phiên tòa số: 68/2017/QĐ-PT ngày 13 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đào Thị Thu A, sinh năm 1973
Địa chỉ: Tổ dân phố E, thị trấn X, huyện Y, tỉnh Lâm Đồng.

- *Bị đơn:* Vợ chồng ông Phạm B, sinh năm 1977
Bà Mầu Thị C, sinh năm 1974

Địa chỉ: Thôn F, xã G, huyện Y, tỉnh Lâm Đồng.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn vợ chồng ông Phạm B, bà Mầu Thị C.

(Bà A có mặt; ông B vắng mặt; bà C có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 13/01/2017 và bản tự khai của bà Đào Thị Thu A trình bày: Ngày 25/12/2016, bà A có bán cho vợ chồng ông Phạm B, bà Mậu Thị C số cà phê quả tươi là 28.206,2kg và quy đổi ra cà phê nhân khô loại Robusta là 6.110kg, với giá là 45.200đ/01kg, thành tiền 276.172.000đồng. Bà A và vợ chồng ông B, bà C thỏa thuận đến ngày 10/01/2017 thì vợ chồng ông B, bà C sẽ trả cho bà A số tiền trên. Đến ngày 25/12/2016 âm lịch (tức ngày 22/01/2017) thì vợ chồng ông B, bà C đã trả cho bà A số tiền là 146.610.000đồng, còn nợ lại số tiền là 129.562.000đồng. Mặc dù bà A đã đòi nhiều lần nhưng đến nay vợ chồng ông B, bà C không trả cho bà số tiền còn nợ. Nay bà A khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Phạm B, bà Mậu Thị C phải trả cho bà số tiền gốc là 129.562.000đồng và số tiền lãi là 1.438.000đồng, tổng cộng cả nợ gốc và lãi bà A yêu cầu vợ chồng ông B, bà C phải trả số tiền là 131.000.000đồng. Ngoài ra, bà không yêu cầu gì khác.

Tại bản tự khai ngày 07/03/2017, bị đơn vợ chồng ông Phạm B, bà Mậu Thị C (do ông Phạm B đại diện theo ủy quyền) trình bày: Ngày 25/12/2016 vợ chồng ông B, bà C có mua của bà Đào Thị Thu A số cà phê quả tươi là 28.206,2kg và quy đổi ra cà phê nhân khô loại Robusta là 6.110kg, với giá là 45.200đ/01kg, thành tiền 276.172.000đồng. Giữa vợ chồng ông bà và bà A có thỏa thuận đến ngày 10/01/2017 thì vợ chồng ông bà sẽ trả cho bà A số tiền trên. Đến ngày 25/12/2016 (âm lịch) vợ chồng ông bà đã trả cho bà A số tiền là 146.610.000đồng, và còn nợ lại bà A số tiền là 129.562.000đồng. Sau đó, bà A đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng ông bà phải trả số tiền còn nợ trên nhưng vợ chồng ông bà gặp khó khăn về kinh tế nên chưa trả được số tiền còn nợ cho bà A. Nay bà A khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông bà phải trả cho bà A số tiền gốc là 129.562.000đồng và số tiền lãi là 1.438.000đồng, tổng cộng cả tiền gốc và lãi là 131.000.000đồng thì vợ chồng ông bà đồng ý trả cho bà A số tiền là 131.000.000đồng.

Ngày 15/3/2017 Tòa án đã tiến hành hòa giải, tại phiên hòa giải, các đương sự thống nhất thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, cụ thể: Vợ chồng ông Phạm B, bà Mậu Thị C đồng ý trả cho bà Đào Thị Thu A số tiền gốc là 129.562.000đồng và số tiền lãi là 1.438.000đồng, tổng cộng cả gốc và lãi là 131.000.000đồng. Tuy nhiên, đến ngày 20/03/2017 bà Mậu Thị C có đơn xin thay đổi ý kiến đề nghị trả bằng hiện vật hoặc trả dần số tiền còn nợ cho bà A. Nguyên đơn bà Đào Thị Thu A không đồng ý với ý kiến của bị đơn vợ chồng ông Phạm B, bà Mậu Thị C. Do đó, vụ án được đưa ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại bản án sơ thẩm số 06/2017/DS-ST ngày 20/4/2017 của Tòa án nhân dân huyện Y đã xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đào Thị Thu A đối với bị đơn vợ chồng ông Phạm B, bà Mậu Thị C về việc “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự mua bán tài sản*”.

- Buộc vợ chồng ông Phạm B, bà Mậu Thị C phải trả cho bà Đào Thị Thu A số tiền là 131.000.000đồng (*một trăm ba mươi mốt triệu đồng*).

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các đương sự.

Ngày 15/5/2017 ông B, bà C kháng cáo xin được trả bằng phân bón, không đồng ý tính lãi và xin được giảm án phí.

Tại phiên tòa hôm nay: bà A không đồng ý với kháng cáo của ông B, bà C đề nghị giải quyết như án sơ thẩm.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng. Cụ thể, Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa dân sự phúc thẩm. Đồng thời, nêu quan điểm đề nghị không chấp nhận kháng cáo của vợ chồng ông B, bà C. Căn cứ khoản 1, Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng:* Ông Phạm B kháng cáo được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt coi như từ bỏ quyền kháng cáo. Căn cứ khoản 3, Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của ông B.

[2] *Xét kháng cáo của bà Mậu Thị C thì thấy rằng:* Giao dịch dân sự mua bán cà phê vào ngày 25/12/2016 giữa bà Đào Thị Thu A với vợ chồng ông Phạm B, bà Mậu Thị C là có xảy ra trên thực tế, được các bên thừa nhận. Vợ chồng ông B, bà C thừa nhận còn nợ bà A số tiền mua cà phê là 129.562.000 đồng và hẹn đến ngày 10/01/2017 sẽ trả cho bà A số tiền trên. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay bà A không đồng ý cho ông B, bà C trả nợ bằng phân bón và cũng không đồng ý giảm lãi. Do ông B, bà C vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên cấp sơ thẩm buộc vợ chồng ông B, bà C phải trả số tiền nợ gốc là 129.562.000 đồng và tiền lãi tính từ thời điểm vi phạm nghĩa vụ thanh toán (ngày 10/01/2017) đến khi xét xử sơ thẩm là 1.438.000đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi 131.000.000 đồng là có căn cứ, đúng pháp luật.

Đối với kháng cáo xin miễn giảm tiền án phí: Do bà C không có đơn xin miễn giảm án phí và cũng không xuất trình được các giấy tờ, tài liệu chứng minh thuộc trường hợp được miễn, giảm tiền án phí theo quy định tại các Điều 12, 13 và 14 Nghị

quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định án phí, lệ phí Tòa án nên không có cơ sở xem xét.

[3] Từ những phân tích trên, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Mậu Thị C, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên bà C phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo qui định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, Điều 308; khoản 3, Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm kháng cáo của ông Phạm B đối với bản án dân sự sơ thẩm số 06/2017/DS-ST ngày 20/4/2017 của Tòa án nhân dân huyện Y.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Mậu Thị C. Xử:

1. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 06/2017/DS-ST ngày 20/4/2017 của Tòa án nhân dân huyện Y về việc “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự mua bán tài sản*” giữa nguyên đơn bà Đào Thị Thu A với bị đơn vợ chồng ông Phạm B, bà Mậu Thị C.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đào Thị Thu A đối với bị đơn vợ chồng ông Phạm B, bà Mậu Thị C về việc “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự mua bán tài sản*”.

Buộc vợ chồng ông Phạm B, bà Mậu Thị C phải trả cho bà Đào Thị Thu A số tiền là 131.000.000đồng (*một trăm ba mươi một triệu đồng*).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2, Điều 357 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí: Buộc vợ chồng ông Phạm B, bà Mậu Thị C phải chịu 6.550.000đồng (*sáu triệu năm trăm năm mươi ngàn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đồng (*ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0002911 ngày 22/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y. Vợ chồng ông Phạm B, bà Mậu Thị C còn phải nộp 6.550.000đồng (*sáu triệu năm trăm năm mươi ngàn đồng*) án phí.

Hoàn trả cho bà Đào Thị Thu A 6.904.000đồng (*sáu triệu chín trăm lẻ bốn ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000193 ngày 10/02/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Y.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 - Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự”.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Tp Hồ Chí Minh;
- TAND huyện Y;
- Chi cục THADS huyện Y;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng KTNV & THA;
- Các đương sự;
- Lưu AV - HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Vũ Thị Nguyệt

